

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm tài chính**

Trong năm 2015, Công ty đã thực hiện thoái vốn tại Công ty con và công ty liên kết, chi tiết như sau:

<b>Công ty</b>	<b>Vốn đầu tư VND</b>
<u>Công ty con</u>	
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Dầu khí Nghệ An;	10.199.955.452
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Dầu khí Nghệ An; và	30.037.405.703
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Nghệ An	91.645.000.000
<u>Công ty liên kết</u>	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp số 1 Nghệ An	5.250.000.000

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục. Tuy nhiên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tổng công nợ ngắn hạn vượt tổng tài sản ngắn hạn với số tiền là 68.607.326.236 đồng, đồng thời lỗ lũy kế của Công ty là 250.197.223.796 đồng Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng phương án kinh doanh để đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty trong thời gian ít nhất một năm tới. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có do ảnh hưởng phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**III. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 03 (ba) công ty con. Chi tiết thông tin về các công ty con của Công ty được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch Dầu khí Nghệ An  
Địa chỉ: Khối 14, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.  
Hoạt động chính: Kinh doanh khách sạn, nhà hàng.  
Giá trị đầu tư: 54.450.000.000 đồng.  
Tỷ lệ lợi ích: 99%.  
Tỷ lệ biểu quyết: 99%.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

2. Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Hà Tĩnh  
Địa chỉ: 415 Đường Trần Phú, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh  
Hoạt động chính: Xây dựng nhà, công trình giao thông, thủy lợi, đầu tư khu đô thị  
Giá trị đầu tư: 681.927.274 đồng.  
Tỷ lệ lợi ích: 35,12%.  
Tỷ lệ biểu quyết: 51%.
  
3. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Nghệ An  
Địa chỉ: 45 Đường Trần Phú, thành phố Vinh - Nghệ An  
Hoạt động chính: Xây dựng nhà, đầu tư khu đô thị  
Giá trị đầu tư 350.000.000 đồng  
Tỷ lệ lợi ích 23,86%.  
Tỷ lệ biểu quyết 51%.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20
Máy móc, thiết bị	03 - 19
Phương tiện vận tải	05 - 07
Thiết bị văn phòng	03 - 06
Tài sản khác	03 - 07

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ lũy kế, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế và không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa theo thuế suất dự tính sẽ được áp dụng cho năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được tính hoặc ghi nhận vào Báo cáo Kết quả kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả có liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc và kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	482.132.554	542.574.929
Tiền gửi ngân hàng	4.153.696.346	2.402.105.211
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	2.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.635.828.900</b>	<b>5.444.680.140</b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty CP Xi măng Dầu khí Nghệ An	9.407.182.056	9.407.182.056
Ban điều hành dự án Thủy điện Hòa Na	2.650.762.148	2.928.187.677
Công ty CP Xây lắp Dầu khí số 1 Nghệ An	2.529.859.000	2.529.859.000
BQLĐL Dầu khí Vũng Áng Quảng Trạch	2.509.561.230	2.509.561.230
Tiền Bán Nhà Chung Cư toà nhà Dầu khí	2.250.592.977	2.544.718.223
Công ty CP Xây dựng Công Nghiệp và Dân	4.409.958.516	2.356.980.442
Các đối tượng khác	29.953.990.302	80.609.764.602
<b>Cộng</b>	<b>53.711.906.229</b>	<b>102.886.253.230</b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Xây dựng Thanh Sơn	2.427.354.500	2.427.354.500
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu Khí Việt Nam	2.249.833.999	2.249.833.999
Trung tâm Công nghệ ĐT và HT việc làm - Đại học Quốc gia Hà Nội	1.691.669.667	1.691.669.667
Công ty CP Xây dựng & Đầu tư Phát triển Hạ tầng số 6	1.279.356.479	1.279.356.479
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí số 1	1.000.000.000	1.000.000.000
Các khoản trả trước cho người bán khác	31.443.511.482	46.883.594.803
<b>Cộng</b>	<b>40.091.726.127</b>	<b>55.531.809.448</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Cho vay ngắn hạn</b>		
Cho vay tính lãi		
- Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu Khí số 1 Nghệ An	7.353.069.383	11.344.009.150
- Công ty CP Khoáng sản Xây dựng Dầu khí Nghệ an	18.029.000.000	18.129.000.000
- Công ty CP Xây dựng Hạ tầng Dầu khí Nghệ An	4.208.088.307	6.608.088.307
- Công ty CP PVLAND	2.465.823.499	-
- Cho vay các đối tượng khác	5.744.649.775	24.920.806.208
Cho vay không tính lãi	-	400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>37.800.630.964</b>	<b>61.401.903.665</b>

**5. Phải thu khác**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Tạm ứng	10.645.922.709	28.038.480.277
Ký quỹ, ký cược	-	104.576.667
Phải thu các nhà thầu phụ dự án KCN Hoàng Mai	68.133.210.193	68.133.210.193
Các khoản ứng trước, chi hộ đơn vị thi công	122.540.271.650	216.779.524.665
Phải thu về chuyển nhượng CP	23.917.148.000	-
Cách khoản phải thu khác	8.494.576.985	63.667.878.486
<b>Cộng</b>	<b>233.731.129.537</b>	<b>376.723.670.288</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Phải thu về bán CP	{i} 165.662.044.000	-
<b>Cộng</b>	<b>165.662.044.000</b>	<b>-</b>

{i} Trong năm 2015, Công ty bán cổ phần tại Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An (PX1) cho Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát Vissai. Tiền bán cổ phần được thanh toán trong vòng 15 năm, mỗi năm 12 kỳ, mỗi kỳ là 1 tháng, số tiền hàng kỳ là 986.083.000 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**6. Nợ xấu**

Đối tượng nợ	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Quá hạn thanh toán	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Quá hạn thanh toán
	VND	VND		VND	VND	
Công ty CP Đầu tư Dầu khí VIP Việt Nam	68.133.210.193	68.133.210.193	Từ 2-3 năm	68.133.210.193	68.133.210.193	Từ 1-2 năm
Công ty CP Khoáng sản Xây dựng Dầu khí Nghệ An	16.243.627.096	16.243.627.096	Từ 2-3 năm	16.243.627.096	16.243.627.096	Từ 1-2 năm
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu Khí số 1 Nghệ An	17.013.433.300	17.013.433.300	Từ 2-3 năm	22.989.471.277	22.989.471.277	Từ 1-2 năm
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng Dầu khí Nghệ An	11.613.167.663	11.613.167.663	Từ 2-3 năm	12.547.996.208	12.547.996.208	Từ 1-2 năm
BĐH Dự án NM xi măng 12/9 Anh Sơn	9.961.517.506	9.961.517.506	Từ 2-3 năm	9.889.374.077	9.889.374.077	Từ 1-2 năm
Công ty CP Xi măng Dầu khí Nghệ An	8.036.087.000	8.036.087.000	Trên 3 năm	8.036.087.000	8.036.087.000	Trên 2 năm
Tổng Công ty hợp tác kinh tế Việt Lào	4.500.000.000	4.500.000.000	Từ 2-3 năm	4.500.000.000	4.500.000.000	Từ 1-2 năm
Ban Điều hành dự án thủy điện Hòa Na	2.650.762.148	2.650.762.148	Từ 2-3 năm	2.650.762.148	2.650.762.148	Từ 1-2 năm
Tiền Bán Nhà Chung Cư toà nhà dầu khí	2.250.592.977	2.250.592.977	Từ 2-3 năm	2.250.592.977	2.250.592.977	Từ 1-2 năm
BQLĐL Dầu khí Vũng Áng Quảng Trạch	2.509.561.230	2.509.561.230	Từ 2-3 năm	2.509.561.230	2.509.561.230	Từ 1-2 năm
Ký túc xá Đại học Vinh	2.529.859.000	2.529.859.000	Từ 2-3 năm	2.529.859.000	2.529.859.000	Từ 1-2 năm
Công trình khí hóa lỏng	2.509.361.230	2.509.361.230	Từ 2-3 năm	2.509.361.230	2.509.361.230	Từ 1-2 năm
Phan Mạnh Hùng	2.000.000.000	2.000.000.000	Từ 2-3 năm	2.000.000.000	2.000.000.000	Từ 1-2 năm
Công ty CP Đầu tư đô thị Dầu khí Cửa Lò	1.274.875.901	1.274.875.901	Từ 2-3 năm	1.274.875.901	1.274.875.901	Từ 1-2 năm
Công ty Cổ phần T&T	1.072.685.791	1.072.685.791	Từ 2-3 năm	1.072.685.791	1.072.685.791	Từ 1-2 năm
Các đối tượng khác	13.855.675.139	13.855.675.139	Từ 2-3 năm	13.855.675.139	13.855.675.139	Từ 1-2 năm
<b>Cộng</b>	<b>166.154.416.174</b>	<b>166.154.416.174</b>		<b>172.993.139.267</b>	<b>172.993.139.267</b>	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**7. Hàng tồn kho**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.045.860.753	-	15.651.274.717	-
Công cụ, dụng cụ	1.676.663.660	-	200.862.812	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	81.408.735.531	-	161.770.719.876	-
Thành phẩm nhập kho	1.597.332.798	-	1.597.332.798	-
Hàng hoá	2.991.767.878	-	68.257.301.186	-
<b>Cộng</b>	<b>90.720.360.620</b>	<b>-</b>	<b>247.477.491.389</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
<b>Tại 01/01/2015</b>	<b>67.385.184.055</b>	<b>48.569.921.541</b>	<b>44.324.243.864</b>	<b>2.658.480.901</b>	<b>4.365.311.678</b>	<b>167.303.142.039</b>
Điều chỉnh do phân loại lại	2.682.196.867	(7.310.688.791)	(5.455.725.813)	5.132.233.212	4.951.984.525	-
Thanh lý, nhượng bán	(1.629.130.682)	(987.004.219)	(8.344.440.218)	-	-	(10.960.575.119)
Giảm khác (*)	(18.900.241.882)	(30.339.119.079)	(28.659.623.229)	(1.822.878.082)	(567.411.947)	(80.289.274.219)
<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>49.538.008.358</b>	<b>9.933.109.452</b>	<b>1.864.454.604</b>	<b>5.967.836.031</b>	<b>8.749.884.256</b>	<b>76.053.292.701</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
<b>Tại 01/01/2015</b>	<b>17.623.380.378</b>	<b>31.537.076.434</b>	<b>28.944.530.244</b>	<b>4.858.854.644</b>	<b>3.073.719.922</b>	<b>86.037.561.622</b>
Khấu hao trong năm	106.113.444	1.099.740.925	769.021.958	1.075.803.598	1.912.073.034	4.962.752.959
Điều chỉnh do phân loại lại	3.734.779.635	(5.341.957.063)	957.063.287	(676.207.899)	1.326.322.040	-
Thanh lý, nhượng bán	(1.173.939.837)	(987.004.219)	(7.833.565.386)	-	-	(9.994.509.442)
Giảm khác (*)	(3.467.921.187)	(18.346.445.635)	(21.499.280.000)	(1.139.053.457)	(408.524.936)	(44.861.225.215)
<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>16.822.412.433</b>	<b>7.961.410.442</b>	<b>1.337.770.103</b>	<b>4.119.396.886</b>	<b>5.903.590.060</b>	<b>36.144.579.924</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Tại 01/01/2015</b>	<b>49.761.803.677</b>	<b>17.032.845.107</b>	<b>15.379.713.620</b>	<b>(2.200.373.743)</b>	<b>1.291.591.756</b>	<b>81.265.580.417</b>
<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>32.715.595.925</b>	<b>1.971.699.010</b>	<b>526.684.501</b>	<b>1.848.439.145</b>	<b>2.846.294.196</b>	<b>39.908.712.777</b>

(\*) Giảm khác là do trong năm 2015 Công ty thực hiện thoái vốn tại các công ty con.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**9. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại 01/01/2015	1.509.038.220	1.509.038.220
<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>1.509.038.220</b>	<b>1.509.038.220</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại 01/01/2015	875.612.508	875.612.508
Khấu hao trong năm	278.609.244	278.609.244
<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>1.154.221.752</b>	<b>1.154.221.752</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2015	633.425.712	633.425.712
<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>354.816.468</b>	<b>354.816.468</b>

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Dự án khu nhà ở tại Thị trấn Quỳnh Hợp	1.015.007.615	1.015.007.615
Dự án Resort Cửa Lò	-	87.240.000
Khu sinh thái Hoàng Mai Ngọc	-	1.247.256.704
Xây dựng cơ bản khác	656.226.295	2.764.374.801
<b>Cộng</b>	<b>1.671.233.910</b>	<b>5.113.879.120</b>

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**11. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Số lượng cổ phần	Giá trị VND	Số lượng cổ phần	Giá trị VND
<b>Công ty liên kết</b>				
Công ty CP Đầu tư Đô thị Dầu khí Cửa Lò	127.488	1.274.875.901	127.488	1.274.875.901
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí số 1 Nghệ An	-	-	525.000	5.250.000.000
<b>Công ty liên doanh</b>				
Công ty CP Đầu tư Đô thị Dầu khí Quang Trung	-	10.500.019.800	-	-
<b>Cộng</b>		<b>11.774.895.701</b>		<b>6.524.875.901</b>

Theo quy định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần được trình bày và được xác định giá trị hợp lý trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày lập báo cáo tài chính riêng và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ. Tuy nhiên do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa thể xác định được để trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính riêng theo quy định tại Thông tư số 200/TT-BTC.

**12. Lợi thế thương mại**

	VND
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 01/01/2015	33.827.090.482
Giảm do bán công ty con	(10.198.099.010)
Tại ngày 31/12/2015	23.628.991.472
<b>Hao mòn</b>	
Tại ngày 01/01/2014	17.686.659.237
Khấu hao trong năm	2.362.899.147
Giảm do bán công ty con	(6.223.670.422)
Tại ngày 31/12/2015	13.825.887.962
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 31/12/2014	16.140.431.245
Tại ngày 31/12/2015	9.803.103.510

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty CP Thiết bị Phụ tùng	34.406.131.250	34.406.131.250	34.406.131.250	34.406.131.250
Công ty CP Thi công cơ giới và Lắp máy dầu khí	12.095.878.785	12.095.878.785	12.095.878.785	12.095.878.785
Công ty CP Đầu tư Xây dựng E CON	6.048.450.498	6.048.450.498	6.048.450.498	6.048.450.498
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền trung	4.211.247.736	4.211.247.736	4.211.247.736	4.211.247.736
Công ty CP Đầu Tư Xây lắp Dầu Khí Số 1	12.919.128.348	12.919.128.348	17.904.990.091	17.904.990.091
Công ty CP ĐT Xây dựng Bạch Đằng TMC	4.069.236.874	4.069.236.874	4.069.236.874	4.069.236.874
BĐHDA Thủy điện Hủa Na	3.360.596.089	3.360.596.089	3.360.596.089	3.360.596.089
Phải trả nhà cung cấp khác	68.255.399.563	68.255.399.563	137.332.213.020	137.332.213.020
<b>Cộng</b>	<b>145.366.069.143</b>	<b>145.366.069.143</b>	<b>219.428.744.343</b>	<b>219.428.744.343</b>
<b>b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
Công ty CP Thiết bị Phụ tùng	34.406.131.250	34.406.131.250	34.406.131.250	34.406.131.250
Công ty CP Thi công cơ giới và Lắp máy dầu khí	12.095.878.785	12.095.878.785	12.095.878.785	12.095.878.785
Công ty CP Đầu tư Xây dựng E CON	6.048.450.498	6.048.450.498	6.048.450.498	6.048.450.498
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền trung	4.211.247.736	4.211.247.736	4.211.247.736	4.211.247.736
Công ty CP Đầu Tư Xây lắp Dầu Khí Số 1	5.755.894.698	5.755.894.698	5.755.894.698	5.755.894.698
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng TMC	4.069.236.874	4.069.236.874	4.069.236.874	4.069.236.874
BĐHDA thủy điện Hủa Na	3.360.596.089	3.360.596.089	3.360.596.089	3.360.596.089
Các đối tượng khác	31.016.386.652	31.016.386.652	31.016.386.652	31.016.386.652
<b>Cộng</b>	<b>100.963.822.582</b>	<b>391.695.960.868</b>	<b>539.821.311.268</b>	



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	01/01/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	6.171.394.039	3.797.313.303	10.549.345.676	12.923.426.412
Thuế thu nhập doanh nghiệp	316.286.835	1.455.677.013	2.584.523.637	1.445.133.459
Thuế thu nhập cá nhân	179.787.926	(268.874.179)	133.843.752	582.505.857
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.459.353.000	2.491.560.000	32.207.000	-
Thuế bảo vệ môi trường	8.141.000	8.141.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	8.822.377.829	1.577.860.543	2.499.412.273	9.743.929.559
<b>Cộng</b>	<b>17.957.340.629</b>	<b>9.061.677.680</b>	<b>15.799.332.338</b>	<b>24.694.995.287</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
BQLĐL Dầu khí Vũng Áng Quảng Trạch	47.884.299.748	47.884.299.748
Công ty CP Xi măng Dầu khí Nghệ An	36.414.704.400	36.414.704.400
Trường ĐH Vinh	3.113.866.000	3.113.866.000
Công ty CP Khoáng sản Xây dựng Dầu khí NA	2.950.000.000	1.450.000.000
Các khoản người mua trả tiền trước khác	36.790.361.389	139.535.785.020
<b>Cộng</b>	<b>127.153.231.537</b>	<b>228.398.655.168</b>

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trích trước chi phí sản xuất kinh doanh	6.277.673.317	12.789.190.223
Chi phí lãi vay	24.055.150.647	43.867.064.544
<b>Cộng</b>	<b>30.332.823.964</b>	<b>56.656.254.767</b>

**17. Phải trả khác**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	23.812.482
Kinh phí công đoàn	380.451.886	1.085.547.769
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, bảo hiểm TN	10.090.228.264	13.596.690.535
Các khoản phải trả, phải nộp khác	70.883.647.694	243.165.675.190
- Phải trả về mua cổ phần	11.832.996.000	-
- Đặt cọc tiền mua chung cư Tràng Thi	-	39.611.875.871
- Phải trả các khoản chi hộ	56.014.306.925	201.746.791.827
- Các khoản phải trả khác	3.036.344.769	1.807.007.492
<b>Cộng</b>	<b>81.354.327.844</b>	<b>257.871.725.976</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Phải trả về mua cổ phần	161.682.854.410	173.515.850.410
IDICO Long Sơn	5.919.758.444	5.919.758.444
Kinh phí đào tạo	5.950.696.918	5.950.696.918
Phải trả dài hạn khác	632.996.470	4.285.112.570
<b>Cộng</b>	<b>174.186.306.242</b>	<b>189.671.418.342</b>
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>		
Phải trả các khoản chi hộ	52.063.942.111	52.063.942.111
Các khoản phải trả khác	1.898.342.097	1.898.342.097
<b>Cộng</b>	<b>53.962.284.208</b>	<b>53.962.284.208</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**18. Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	3.694.395.757	3.694.395.757	3.304.586.000	36.435.173.902	36.824.983.659	36.824.983.659
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Nghệ An	9.266.784.613	9.266.784.613		-	9.266.784.613	9.266.784.613
Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Vinh	6.192.073.924	6.192.073.924		7.687.926.076	13.880.000.000	13.880.000.000
Tổng công ty CP Xây lắp Dầu Khí Việt Nam	22.623.638.889	22.623.638.889		-	22.623.638.889	22.623.638.889
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	-	-		4.500.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000
Vay đối tượng khác	40.197.472.889	40.197.472.889	43.549.100.000	18.776.917.539	15.425.290.428	15.425.290.428
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>81.974.366.072</b>	<b>81.974.366.072</b>	<b>46.853.686.000</b>	<b>67.400.017.517</b>	<b>102.520.697.589</b>	<b>102.520.697.589</b>
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số V.19)	3.248.699.937	3.248.699.937			5.274.000.000	5.274.000.000
<b>Tổng</b>	<b>85.223.066.009</b>	<b>85.223.066.009</b>			<b>107.794.697.589</b>	<b>107.794.697.589</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**19. Vay và nợ dài hạn**

	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>3.248.699.937</b>	<b>3.248.699.937</b>	-	<b>53.340.000.000</b>	<b>56.588.699.937</b>	<b>56.588.699.937</b>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	309.345.221	309.345.221	-	53.140.000.000	53.449.345.221	53.449.345.221
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - chi nhánh Thanh Hóa	2.939.354.716	2.939.354.716	-	200.000.000	3.139.354.716	3.139.354.716
<b>Cộng</b>	<b>3.248.699.937</b>	<b>3.248.699.937</b>	-	<b>53.340.000.000</b>	<b>56.588.699.937</b>	<b>56.588.699.937</b>
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả (được trình bày ở phần Vay và nợ ngắn)	3.248.699.937	3.248.699.937	-	-	5.274.000.000	5.274.000.000
<b>Cộng các khoản vay dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	-	-	<b>51.314.699.937</b>	<b>51.314.699.937</b>

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Trong vòng một năm	3.248.699.937	5.274.000.000
Trong năm thứ hai	-	19.765.199.937
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	31.549.500.000
<b>Cộng</b>	<b>3.248.699.937</b>	<b>56.588.699.937</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	3.248.699.937	5.274.000.000
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>-</b>	<b>51.314.699.937</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**20. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	218.460.000.000	5.000.000.000	380.952.382	25.348.179.022	(208.094.870.793)	10.143.963.723	51.238.224.334
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	(26.931.450.971)	(791.534.482)	(27.722.985.453)
Tăng khác	-	-	-	-	11.001.210.661	134.396.943	11.135.607.604
Giảm khác	-	-	-	-	(80.318.700)	-	(80.318.700)
Số dư tại ngày 31/12/2014	218.460.000.000	5.000.000.000	380.952.382	25.348.179.022	(224.105.429.803)	9.486.826.184	34.570.527.785
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	(27.986.290.428)	(67.712.517)	(28.054.002.945)
Thoái vốn tại Công ty con	-	-	-	(1.894.496.435)	1.894.496.435	(6.947.773.187)	(6.947.773.187)
Số dư tại ngày 31/12/2015	218.460.000.000	5.000.000.000	380.952.382	23.453.682.587	(250.197.223.796)	2.471.340.480	(431.248.347)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**21. Bộ phận theo khu vực địa lý và bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại Tòa nhà Dầu khí, số 07 Quang Trung, thành phố Vinh, Nghệ An. Đồng thời, Công ty có các công ty con đặt trụ sở tại Nghệ An và Hà Tĩnh. Tuy nhiên, doanh thu hàng hóa và cung cấp dịch vụ phát sinh tại Hà Tĩnh chưa chiếm đến 1% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty trong năm 2015. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động - Bộ phận bất động sản, Bộ phận xây lắp và bộ phận bán hàng và cung cấp dịch vụ. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận bất động sản: bán căn hộ ở chung cư cao tầng và nhà ở liền kề;  
Bộ phận xây dựng: xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp;  
Bộ phận bán hàng và cung cấp dịch vụ: bán hàng và cung cấp dịch vụ cho tòa nhà.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**21. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**

**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015**

	<b>Hoạt động Bất động sản VND</b>	<b>Hoạt động Xây dựng VND</b>	<b>Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ VND</b>	<b>Loại trừ VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Tài sản</b>					
Tài sản bộ phận	1.671.233.910	373.693.483.164	31.908.199.209	(13.079.422.862)	394.193.493.421
Tài sản không phân bổ					310.239.178.162
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>	<b>1.671.233.910</b>	<b>373.693.483.164</b>	<b>31.908.199.209</b>	<b>(13.079.422.862)</b>	<b>704.432.671.583</b>
<b>Nợ phải trả</b>					
Nợ phải trả bộ phận	-	317.618.606.110	50.639.409.379	(13.079.422.862)	355.178.592.627
Nợ phải trả không phân bổ					349.685.327.303
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>317.618.606.110</b>	<b>50.639.409.379</b>	<b>(13.079.422.862)</b>	<b>704.863.919.930</b>

**Bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2015**

	<b>Hoạt động Bất động sản VND</b>	<b>Hoạt động Xây dựng VND</b>	<b>Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ VND</b>	<b>Loại trừ VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Tài sản</b>					
Tài sản bộ phận	245.829.920.676	503.208.460.060	242.357.254.577	(93.623.967.168)	897.771.668.145
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	320.299.873.366
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>	<b>245.829.920.676</b>	<b>503.208.460.060</b>	<b>242.357.254.577</b>	<b>(93.623.967.168)</b>	<b>1.218.071.541.511</b>
<b>Nợ phải trả</b>					
Nợ phải trả bộ phận	193.689.788.481	514.806.860.858	62.422.037.788	(93.623.967.168)	677.294.719.959
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	506.206.293.767
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>	<b>193.689.788.481</b>	<b>514.806.860.858</b>	<b>62.422.037.788</b>	<b>(93.623.967.168)</b>	<b>1.183.501.013.726</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**21. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**

**Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

	<b>Hoạt động Bất động sản VND</b>	<b>Hoạt động Xây dựng VND</b>	<b>Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ VND</b>	<b>Loại trừ VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	9.627.737.963	51.241.038.463	49.168.900.315	-	110.037.676.741
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác					-
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>9.627.737.963</b>	<b>51.241.038.463</b>	<b>49.168.900.315</b>	<b>-</b>	<b>110.037.676.741</b>
Chi phí phân bổ	5.894.161.000	50.501.285.394	40.291.868.108		96.687.314.502
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>					-
Kết quả kinh doanh bộ phận	3.733.576.963	739.753.069	8.877.032.207	-	13.350.362.239
Chi phí không phân bổ					34.098.191.486
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(20.747.829.247)
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết					
Doanh thu từ các khoản đầu tư					(1.596.262.393)
Lỗ khác					13.731.918.946
Chi phí tài chính					17.986.153.238
Lợi nhuận trước thuế					(26.598.325.932)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					1.455.677.013
<b>Lỗ trong năm</b>					<b>(28.054.002.945)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**21. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**

**Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

	Hoạt động Bất động sản VND	Hoạt động xây dựng VND	Hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
<b>Doanh thu</b>					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	309.719.631.221	21.840.221.228	48.071.125.941	-	379.630.978.390
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác					-
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>309.719.631.221</b>	<b>21.840.221.228</b>	<b>48.071.125.941</b>	-	<b>379.630.978.390</b>
Chi phí phân bổ	292.631.375.312	42.003.073.091	46.140.573.963	-	380.775.022.366
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>					
Kết quả kinh doanh bộ phận	17.088.255.909	(20.162.851.863)	1.930.551.978	-	(1.144.043.976)
Chi phí không phân bổ					30.718.767.469
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(31.862.811.445)
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết					-
Doanh thu từ các khoản đầu tư					4.930.837.752
Lãi khác					26.170.122.935
Chi phí tài chính					21.295.981.633
Lợi nhuận trước thuế					(22.057.832.391)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					5.665.153.062
<b>Lãi trong năm</b>					<b>(27.722.985.453)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>110.357.633.042</b>	<b>379.630.978.390</b>
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	48.673.930.049	48.071.125.941
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	9.627.737.963	309.719.631.221
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	51.241.038.463	21.840.221.228
- Doanh thu khác	814.926.567	-
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>319.956.301</b>	-
- Giảm giá hàng bán	319.956.301	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>110.037.676.741</b>	<b>379.630.978.390</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	40.291.868.108	46.140.573.963
Giá vốn kinh doanh Bất động sản	5.894.161.000	292.631.375.312
Giá vốn hoạt động xây lắp	50.501.285.394	42.003.073.091
<b>Cộng</b>	<b>96.687.314.502</b>	<b>380.775.022.366</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.799.404.580	4.930.837.752
Giảm lãi vay phải thu từ những năm trước {i}	(9.708.262.539)	-
Doanh thu hoạt động chuyển nhượng vốn	3.312.595.566	-
<b>Cộng</b>	<b>(1.596.262.393)</b>	<b>4.930.837.752</b>

{i} Lãi vay phải thu giảm trong năm do xác định lại thời gian tính lãi vay và giảm lãi vay theo Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 03 tháng 07 năm 2015 của Công ty.

**4. Chi phí tài chính**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí lãi vay	17.986.153.238	20.890.798.750
Chi phí tài chính khác	-	405.182.883
<b>Cộng</b>	<b>17.986.153.238</b>	<b>21.295.981.633</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.586.189.952	5.170.805.553
Chi phí công cụ, dụng cụ	30.824.202	3.184.565.735
Khấu hao tài sản cố định	3.288.210.841	6.094.668.028
Thuế, phí, lệ phí	1.745.147.210	3.469.863.784
Phân bổ lợi nhuận thương mại	2.362.899.147	3.382.709.048
Chi phí dự phòng	9.255.060.177	-
Dịch vụ mua ngoài	5.619.675.509	4.071.683.154
Chi phí bằng tiền khác	3.009.500.525	3.403.653.808
<b>Cộng</b>	<b>32.897.507.563</b>	<b>28.777.949.110</b>

**6. Thu nhập khác**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản	10.645.202.498	25.608.245.586
Các khoản thu khác	3.146.551.625	2.983.265.761
<b>Cộng</b>	<b>13.791.754.123</b>	<b>28.591.511.347</b>

**7. Chi phí khác**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Các khoản phạt hành chính	300.600	1.866.727
Các khoản chi khác	59.534.577	2.419.521.685
<b>Cộng</b>	<b>59.835.177</b>	<b>2.421.388.412</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN</b>	<b>(27.986.290.428)</b>	<b>(26.931.450.971)</b>
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính	-	-
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
<b>Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>(27.986.290.428)</b>	<b>(26.931.450.971)</b>
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	21.846.000	21.846.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(1.281)</b>	<b>(1.233)</b>
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.945.830.144	11.640.846.906
Chi phí nhân công	10.627.598.703	7.175.161.988
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.241.362.203	27.237.771.970
Chi phí dịch vụ mua ngoài	74.951.376.826	80.199.405.308
Chi phí khác bằng tiền	4.656.231.578	3.522.198.048
<b>Cộng</b>	<b>117.422.399.454</b>	<b>129.775.384.220</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**VII. THÔNG TIN KHÁC**

**1. Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.18 và V.19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản vay	85.223.066.009	159.109.397.526
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	4.635.828.900	5.444.680.140
Nợ thuần	80.587.237.109	153.664.717.386
Vốn chủ sở hữu	(431.248.347)	34.570.527.785
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>(186,87)</b>	<b>444,50%</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh IV.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.461.791.266	698.943.340
Phải thu khách hàng và phải thu khác	491.150.885.927	508.420.434.630
Đầu tư ngắn hạn	-	202.784.937.195
<b>Cộng</b>	<b>495.612.677.193</b>	<b>711.904.315.165</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay và nợ	84.843.066.009	135.973.410.233
Phải trả người bán và phải trả khác	398.926.325.662	550.833.806.867
Chi phí phải trả	30.132.823.964	25.694.689.239
<b>Cộng</b>	<b>513.902.215.635</b>	<b>712.501.906.339</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

***Quản lý rủi ro tỷ giá***

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất là không đáng kể.

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

***Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu***

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là thấp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu (Tiếp theo)*

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào Công ty con và Công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh. Các khoản đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan tại Thuyết minh VI.2.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>31/12/2015</b>			
Tiền	4.461.791.266	-	4.461.791.266
Phải thu khách hàng và phải thu khác	325.488.841.927	165.662.044.000	491.150.885.927
<b>Cộng</b>	<b>329.950.633.193</b>	<b>165.662.044.000</b>	<b>495.612.677.193</b>
<b>31/12/2015</b>			
Các khoản vay	84.843.066.009	-	84.843.066.009
Phải trả người bán và phải trả khác	224.740.019.420	174.186.306.242	398.926.325.662
Chi phí phải trả	30.132.823.964	-	30.132.823.964
<b>Cộng</b>	<b>339.715.909.393</b>	<b>174.186.306.242</b>	<b>513.902.215.635</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(9.765.276.200)</b>	<b>(8.524.262.242)</b>	<b>(18.289.538.442)</b>
	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>01/01/2015</b>			
Tiền	698.943.340	-	698.943.340
Phải thu khách hàng và phải thu khác	508.420.434.630	-	508.420.434.630
Đầu tư ngắn hạn	202.784.937.195	-	202.784.937.195
<b>Cộng</b>	<b>711.904.315.165</b>	<b>-</b>	<b>711.904.315.165</b>
<b>01/01/2015</b>			
Các khoản vay	126.724.710.296	9.248.699.937	135.973.410.233
Phải trả người bán và phải trả khác	361.162.388.525	189.671.418.342	550.833.806.867
Chi phí phải trả	25.694.689.239	-	25.694.689.239
<b>Cộng</b>	<b>513.581.788.060</b>	<b>198.920.118.279</b>	<b>712.501.906.339</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>198.322.527.105</b>	<b>(198.920.118.279)</b>	<b>(597.591.174)</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn

**2. Giao dịch với bên liên quan**

Trong năm, Công ty không phát sinh các giao dịch với các công ty liên kết.

**Thu nhập và các khoản vay của Ban Giám đốc**

	<b>Năm 2015 VND</b>	<b>Năm 2014 VND</b>
Lương và Thù lao Hội đồng quản trị	319.900.000	98.400.000
<b>Cộng</b>	<b>319.900.000</b>	<b>98.400.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**3. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất là số liệu tương ứng trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán. Tuy nhiên, một số số liệu của Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được phân loại và trình bày lại theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Chi tiết như sau:

<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT</b>						
<b>Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC</b>			<b>Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC</b>			<b>Chênh lệch</b>
<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>01/01/2015</b>	<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>01/01/2015</b>	
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		
1. Chứng khoán kinh doanh	121	182.642.647.428	1. Đầu tư ngắn hạn	121	243.644.551.093	(61.001.903.665)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	61.401.903.665				61.401.903.665
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	376.723.670.288	4. Các khoản phải thu khác	135	348.980.613.344	27.743.056.944
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		
1. Hàng tồn kho	141	247.477.491.389	1. Hàng tồn kho	141	202.681.408.444	44.796.082.945
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		- 3. Tài sản ngắn hạn khác	158	28.143.056.944	(28.143.056.944)
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>					
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.113.879.120	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	49.909.962.065	(44.796.082.945)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>					
5. Lợi thuế thương mại	269	16.140.431.245	<b>Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	<b>16.140.431.245</b>	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>			<b>270</b>		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**3. Số liệu so sánh (tiếp)**

<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT</b>						
<b>Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC</b>			<b>Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC</b>			<b>Chênh lệch</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>01/01/2015</b>	<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	257.871.725.976	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	431.387.576.386	(173.515.850.410)
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	107.794.697.589	1. Vay và nợ ngắn hạn	311	102.520.697.589	5.274.000.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		
1. Phải trả dài hạn khác	337	189.671.418.342	1. Phải trả dài hạn khác	333	16.155.567.932	173.515.850.410
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	51.314.699.937	2. Vay và nợ dài hạn	334	56.588.699.937	(5.274.000.000)
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>400</b>		
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		
5. Quỹ đầu tư phát triển	418	25.348.179.022	4. Quỹ đầu tư phát triển	417	24.457.305.323	890.873.699
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	9.486.826.184	5. Quỹ dự phòng tài chính	418	890.873.699	(890.873.699)
			<b>LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>9.486.826.184</b>	-

<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT</b>						
<b>Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC</b>			<b>Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC</b>			<b>Chênh lệch</b>
<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm 2014</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm 2014</b>	
12. Thu nhập khác	31	40.021.723.494	12. Thu nhập khác	31	28.591.511.347	11.430.212.147
13. Chi phí khác	32	13.851.600.559	13. Chi phí khác	32	2.421.388.412	11.430.212.147

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**4. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Ngọc Bằng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 18 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Văn Phúc  
Kế toán trưởng

Trần Thị Hồng Anh  
Người lập